

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN HOA TIÊU
HÀNG HẢI KHU VỰC I
BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017
đã được kiểm toán**

Được kiểm toán bởi

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM (AASCS)

29 Võ Thị Sáu, Phường Đa Kao, Quận 1, TP.HCM



MỤC LỤC

Nội dung	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN	3 - 3
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
- Bảng cân đối kế toán	4 - 7
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8 - 8
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9 - 10
- Bản thuyết minh báo cáo tài chính	11 - 29



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Tiêu Hàng Hải Khu Vực I (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính 2017, kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017.

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp:

1. Hình thức sở hữu vốn:

Công ty Hoa Tiêu Khu Vực I là doanh nghiệp Nhà nước được thành lập theo quyết định số 5146/QĐ-TCCB-LĐ ngày 30 tháng 12 năm 1997 của Bộ Giao Thông Vận Tải và được chứng nhận đăng ký kinh doanh theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 103460 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 18 tháng 3 năm 1998.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ sáu số 4106000228 ngày 11 tháng 06 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và văn bản số 674/CHHVN-TCCB ngày 13/04/2009 về việc triển khai thực hiện bổ sung ngành nghề kinh doanh cho Công ty.

Công ty chuyển đổi thành Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Tiêu Hàng Hải Khu Vực I (tên viết tắt là Công ty Hoa Tiêu Hàng Hải Khu Vực I) theo Quyết định số 1775/QĐ-BGTVT ngày 25/06/2010 của Bộ Giao Thông Vận Tải với vốn điều lệ mới là 170.220.703.425 đồng (Một trăm bảy mươi tỷ, hai trăm hai mươi triệu, bảy trăm lẻ ba nghìn, bốn trăm hai mươi lăm đồng).

Quyết định số 3437/QĐ-BGTVT ngày 30 tháng 11 năm 2010 về việc phê duyệt điều lệ tạm thời về tổ chức hoạt động công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Tiêu Hàng Hải Khu Vực I. Vốn điều lệ là 170.220.703.425 đồng (Một trăm bảy mươi tỷ, hai trăm hai mươi triệu, bảy trăm lẻ ba nghìn, bốn trăm hai mươi lăm đồng).

Quyết định số 2399/QĐ-BGTVT ngày 24 tháng 10 năm 2011 về việc chuyển doanh nghiệp về làm đơn vị thành viên Tổng Công ty Bảo Đảm An Toàn Hàng Hải Miền Nam.

Quyết định số 856/QĐ-BGTVTCTBDATHHMN ngày 07 tháng 5 năm 2014 về việc điều chỉnh tăng mức vốn điều lệ của Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Tiêu Hàng Hải Khu Vực I. Vốn điều lệ là 215.871.703.425 đồng (Hai trăm mười lăm tỷ, tám trăm bảy mươi một triệu, bảy trăm lẻ ba nghìn, bốn trăm hai mươi lăm đồng) và được chứng nhận đăng ký kinh doanh theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên số 0300443683 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, đăng ký lần đầu ngày 19 tháng 02 năm 2011, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 12 tháng 3 năm 2015.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là : 215.871.703.425 VNĐ.

Vốn góp của Công ty tại ngày 31/12/2017 : 215.871.703.425 VNĐ.

Trụ sở chính của Công ty tại : Số 8 Trương Đình Hợi, Phường 18, Quận 4, TP.HCM.

2. Lĩnh vực kinh doanh:

- Dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh:

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy (chi tiết: Cung cấp dịch vụ dẫn tàu ra vào cảng trong vùng hoa tiêu hàng hải hoặc tuyến dẫn tàu được giao; kinh doanh dịch vụ tàu lai).

- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày (chi tiết: Kinh doanh dịch vụ khách sạn và du lịch (khách sạn phải đạt tiêu chuẩn sao và không hoạt động tại trụ sở)).

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (chi tiết: Kinh doanh bất động sản).

- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác (chi tiết: Chi thuê phương tiện và tài sản).

- Giáo dục nghề nghiệp (chi tiết: Huấn luyện hoa tiêu).

- Cung ứng lao động tạm thời (chi tiết: Cho thuê hoa tiêu, thuyền viên).

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (chi tiết: Đại lý tàu biển và dịch vụ hàng hải).

4. Mô hình hoạt động của doanh nghiệp: Công ty Nhà nước

5. Kết quả hoạt động

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty và tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 được thể hiện trong Báo cáo tài chính đính kèm.

6. Các sự kiện sau ngày khoá sổ kế toán lập báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày 31/12/2017 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

7. Ban Giám đốc:

Ông Quách Đình Hùng
Ông Nguyễn Hữu Láng
Ông Cao Chí Đạo
Ông Lê Anh Tuấn

Giám đốc
Phó Giám đốc
Phó Giám đốc
Kế toán Trưởng

129-C
CÔNG TY
M HỮU HẠN
TƯ VAI
KẾ TOÁN
M TOÁN
1 NAM
PHỔ C

8. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) đã thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính cho Công ty.

9. Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán đang áp dụng được Công ty tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính này.
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính 2017 kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Phê duyệt các báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Tiêu Hàng Hải Khu Vực I phê duyệt Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 của Công ty.

TP.HCM, ngày 20 tháng 01 năm 2018

TM. Ban Giám đốc
Giám đốc



GIÁM ĐỐC
Quách Đình Hùng

Số: ...65... /BCKT/TC/2018/AASCS**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**Kính gửi:**- Ban Giám đốc Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Tiêu Hàng Hải Khu Vực I**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Tiêu Hàng Hải Khu Vực I, được lập ngày 20 tháng 01 năm 2018 từ trang 04 đến trang 29, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Tiêu Hàng Hải Khu Vực I tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Tp Hồ Chí Minh, ngày ...05... tháng ...3... năm 2018

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS)
Phó Tổng Giám đốc



LÊ VĂN TUẤN

Số giấy CNĐKHN kiểm toán: 0479-2018-142-1

Kiểm toán viên



LÊ KIM NGỌC

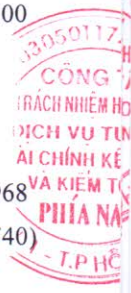
Số giấy CNĐKHN kiểm toán: 0181-2018-142-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		169.151.757.377	142.964.820.381
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	1	138.482.750.455	90.595.811.982
1. Tiền	111		61.955.387.238	26.703.723.093
2. Các khoản tương đương tiền	112		76.527.363.217	63.892.088.889
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120			
1. Chứng khoán kinh doanh	121			
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122			
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123			
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		30.669.006.922	51.197.657.640
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	2	17.785.430.947	48.981.793.112
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	3	11.764.146.460	1.126.707.300
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134			
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135			
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	4	1.119.429.515	1.393.917.968
7. Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137			(304.760.740)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139			
IV. Hàng tồn kho	140			
1. Hàng tồn kho	141			
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149			
V. Tài sản ngắn hạn khác	150			1.171.350.759
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151			1.171.350.759
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152			
3. Thuế và các khoản khác phải thu nhà nước	153			
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154			
5. Tài sản ngắn hạn khác	155			
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		135.322.849.700	136.367.514.536
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		15.000.000	15.000.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212			
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213			
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214			
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215			
6. Phải thu dài hạn khác	216	5	15.000.000	15.000.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219			



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu (1)	Mã số (2)	Thuyết minh (3)	Số cuối năm (4)	Số đầu năm (5)
II. Tài sản cố định	220		132.099.407.758	128.122.818.146
1. Tài sản cố định hữu hình	221	6	46.118.251.090	43.631.322.264
- Nguyên giá	222		108.288.973.146	104.361.318.871
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(62.170.722.056)	(60.729.996.607)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224			
- Nguyên giá	225			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226			
3. Tài sản cố định vô hình	227	7	85.981.156.668	84.491.495.882
- Nguyên giá	228		86.320.533.992	84.804.293.992
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(339.377.324)	(312.798.110)
III. Bất động sản đầu tư	230			
- Nguyên giá	231			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232			
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		3.208.441.942	8.229.696.390
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241			
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	8	3.208.441.942	8.229.696.390
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250			
1. Đầu tư vào công ty con	251			
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252			
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253			
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254			
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255			
VI. Tài sản dài hạn khác	260			
1. Chi phí trả trước dài hạn	261			
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262			
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263			
4. Tài sản dài hạn khác	268			
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		304.474.607.077	279.332.334.917



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu (1)	Mã số (2)	Thuyết minh (3)	Số cuối năm (4)	Số đầu năm (5)
C. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		56.661.432.426	60.328.048.070
I. Nợ ngắn hạn	310		56.250.159.706	58.877.422.390
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	9	724.603.041	1.057.427.259
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	10	893.286.681	107.507.677
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	11	2.638.383.465	8.259.684.644
4. Phải trả người lao động	314	12	28.800.975.174	16.812.839.892
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315			
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316			
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317			
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318			
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	13	3.765.675.093	18.143.135.357
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320			
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321			
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	14	19.427.236.252	14.496.827.561
13. Quỹ bình ổn giá	323			
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324			
II. Nợ dài hạn	330		411.272.720	1.450.625.680
1. Phải trả người bán dài hạn	331			
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332			
3. Chi phí phải trả dài hạn	333			
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334			
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335			
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336			
7. Phải trả dài hạn khác	337	15	411.272.720	1.450.625.680
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338			
9. Trái phiếu chuyển đổi	339			
10. Cổ phiếu ưu đãi	340			
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341			
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342			
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343			

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	400		247.813.174.651	219.004.286.847
I. Vốn chủ sở hữu	410	16	247.813.174.651	219.004.286.847
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		215.871.703.425	215.871.703.425
2. Thặng dư vốn cổ phần	412			
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413			
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414			
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415			
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416			
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417			
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		14.259.961.406	3.024.642.822
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419			
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420			
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		17.681.509.820	
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a			
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		17.681.509.820	
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422			107.940.600
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430			
1. Nguồn kinh phí	431			
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		304.474.607.077	279.332.334.917

TP.HCM, ngày 20 tháng 01 năm 2018

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



GIÁM ĐỐC
Quách Đình Hùng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2017

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	1	205.428.346.227	122.589.034.394
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10= 01-02)	10		205.428.346.227	122.589.034.394
4. Giá vốn hàng bán	11	2	88.100.196.904	71.924.339.263
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20= 10-11)	20		117.328.149.323	50.664.695.131
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	3	3.538.737.775	4.388.746.335
7. Chi phí tài chính	22	4	1.088.379	
+ Trong đó: chi phí lãi vay	23		-	
8. Chi phí bán hàng	25		0	
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5	51.759.963.699	30.378.563.415
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30= 20+(21-22)-(25+26))	30		69.105.835.020	24.674.878.051
11. Thu nhập khác	31	6	918.787.780	649.088.458
12. Chi phí khác	32	7	750.883.193	41.745.924
13. Lợi nhuận khác (40= 31-32)	40		167.904.587	607.342.534
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50= 30+40)	50		69.273.739.607	25.282.220.585
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	8	14.004.496.925	5.056.444.117
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52			(8.158.492)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60= 50-51-52)	60		55.269.242.682	20.233.934.960
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70			
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71			

TP.HCM, ngày 20 tháng 01 năm 2018

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



GIÁM ĐỐC
Quách Đình Hùng

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết Minh	Năm 2017	Năm 2016
1	2	3	4	5
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG SXKD				
1. Lợi nhuận trước thuế	1		69.273.739.607	25.282.220.585
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	2		5.493.920.369	3.408.226.685
- Các khoản dự phòng	3		(304.760.740)	
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	4		1.088.379	
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	5		(4.457.525.555)	(5.037.834.793)
- Chi phí lãi vay	6		-	
- Các khoản điều chỉnh khác	7			
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	8		70.006.462.060	23.652.612.477
- Tăng, giảm các khoản phải thu	9		20.833.411.458	(14.081.789.611)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		0	0
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(9.117.553.770)	4.038.137.367
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		1.171.350.759	398.471.729
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(13.483.967.490)	(4.041.834.189)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		322.424.145	233.681.828
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(21.529.946.187)	(15.867.913.314)
Lưu chuyển thuần từ hoạt động kinh doanh	20		48.202.180.975	(5.668.633.713)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(4.449.255.533)	(3.090.938.933)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		596.363.635	415.406.630
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	0
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	0
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	0
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	0
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		3.538.737.775	4.388.746.335
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(314.154.123)	1.713.214.032
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	
3. Tiền thu từ đi vay	33		-	
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		-	
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		0	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		0	0

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Thuyết Minh	Năm 2017	Năm 2016
1	2	3	4	5
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ ($50 = 20 + 30 + 40$)	50		47.888.026.852	(3.955.419.681)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		90.595.811.982	94.551.231.663
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(1.088.379)	
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ ($70 = 50 + 60 + 61$)	70		138.482.750.455	90.595.811.982

TP.HCM, ngày 20 tháng 01 năm 2018

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



GIÁM ĐỐC
Quách Đình Hùng



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2017

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Hoa Tiêu Khu Vực I là doanh nghiệp Nhà nước được thành lập theo quyết định số 5146/QĐ-TCCB-LĐ ngày 30 tháng 12 năm 1997 của Bộ Giao Thông Vận Tải và được chứng nhận đăng ký kinh doanh theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 103460 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 18 tháng 3 năm 1998.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ sáu số 4106000228 ngày 11 tháng 06 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và văn bản số 674/CHHVN-TCCB ngày 13/04/2009 về việc triển khai thực hiện bổ sung ngành nghề kinh doanh cho Công ty.

Công ty chuyển đổi thành Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Tiêu Hàng Hải Khu Vực I (tên viết tắt là Công ty Hoa Tiêu Hàng Hải Khu Vực I) theo Quyết định số 1775/QĐ-BGTVT ngày 25/06/2010 của Bộ Giao Thông Vận Tải với vốn điều lệ mới là 170.220.703.425 đồng (Một trăm bảy mươi tỷ, hai trăm hai mươi triệu, bảy trăm lẻ ba nghìn, bốn trăm hai mươi lăm đồng).

Quyết định số 3437/QĐ-BGTVT ngày 30 tháng 11 năm 2010 về việc phê duyệt điều lệ tạm thời về tổ chức hoạt động công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Tiêu Hàng Hải Khu Vực I. Vốn điều lệ là 170.220.703.425 đồng (Một trăm bảy mươi tỷ, hai trăm hai mươi triệu, bảy trăm lẻ ba nghìn, bốn trăm hai mươi lăm đồng).

Quyết định số 2399/QĐ-BGTVT ngày 24 tháng 10 năm 2011 về việc chuyển doanh nghiệp về làm đơn vị thành viên Tổng Công Ty Bảo Đảm An Toàn Hàng Hải Miền Nam.

Quyết định số 856/QĐ-BGTVTCTBDATHMN ngày 07 tháng 5 năm 2014 về việc điều chỉnh tăng mức vốn điều lệ của Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Tiêu Hàng Hải Khu Vực I. Vốn điều lệ là 215.871.703.425 đồng (Hai trăm mười lăm tỷ, tám trăm bảy mươi một triệu, bảy trăm lẻ ba nghìn, bốn trăm hai mươi lăm đồng) và được chứng nhận đăng ký kinh doanh theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên số 0300443683 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, đăng ký lần đầu ngày 19 tháng 02 năm 2011, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 12 tháng 3 năm 2015.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là : 215.871.703.425 VNĐ.

Vốn góp của Công ty tại ngày 31/12/2017 : 215.871.703.425 VNĐ.

Trụ sở chính của Công ty tại : Số 8 Trương Đình Hội, Phường 18, Quận 4, TP.HCM.

2. Lĩnh vực kinh doanh

- Dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh:

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy (chi tiết: Cung cấp dịch vụ dẫn tàu ra vào cảng trong vùng hoa tiêu hàng hải hoặc tuyến dẫn tàu được giao; kinh doanh dịch vụ tàu lai).
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày (chi tiết: Kinh doanh dịch vụ khách sạn và du lịch (khách sạn phải đạt tiêu chuẩn sao và không hoạt động tại trụ sở)).
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (chi tiết: Kinh doanh bất động sản).
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác (chi tiết: Chi thuê phương tiện và tài sản).
- Giáo dục nghề nghiệp (chi tiết: Huấn luyện hoa tiêu).
- Cung ứng lao động tạm thời (chi tiết: Cho thuê hoa tiêu, thuyền viên).
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (chi tiết: Đại lý tàu biển và dịch vụ hàng hải).

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường: không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng tới Báo cáo tài chính: không ảnh hưởng.

6. Tổng số lao động : 209 người

Trong đó: - Lao động gián tiếp: 73 người, lao động trực tiếp: 136 người.

II. Chế độ và chính sách kế toán áp dụng tại Công ty

1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2017

III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

1. Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính; Thông tư 75/2015/TT-BTC ngày 18/05/2015 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung điều 128 Thông tư 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp; Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp và các Thông tư văn bản hướng dẫn bổ sung.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán nhật ký chung

IV. Các chính sách kế toán áp dụng

1. Nguyên tắc xác định các khoản tiền: tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển

Nguyên tắc xác định các khoản tiền

Các khoản được xác định là tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và có kỳ hạn (dưới 03 tháng), tiền đang chuyển... Hiện có của doanh nghiệp tại ngày lập Báo cáo tài chính.

Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền

Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo tài chính.

Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm phát sinh được hạch toán theo tỷ giá thực tế phát sinh của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản và được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm được hạch toán theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản hoặc tỷ giá bình quân của các ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở nhiều tài khoản công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính và được hạch toán bù trừ chênh lệch tăng, giảm số còn lại được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính và không chia cổ tức trên chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ này.

2. Nguyên tắc kế toán các khoản phải thu:

2.1. Nguyên tắc ghi nhận: Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm được phân loại là tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm được phân loại là tài sản dài hạn.

2.2. Lập dự phòng phải thu khó đòi: Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán đối với các khoản phải thu tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

2.3 Cuối kỳ kế toán các khoản phải thu có gốc ngoại tệ được đánh giá lại số dư theo tỷ giá thực tế của ngân hàng giao dịch, khoản chênh lệch tỷ giá được hạch toán bù trừ sau đó hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí tài chính; Riêng khoản mục tiền trả trước cho khách hàng không đánh giá lại số dư.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2017

3. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định:

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao áp dụng theo Thông tư 45/2013/TT-BTC của Bộ Tài Chính, ngày 25/04/2013 và được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	từ 5 đến 50 năm
- Máy móc, thiết bị	từ 3 đến 20 năm
- Phương tiện vận tải	từ 6 đến 10 năm
- Thiết bị văn phòng	từ 3 đến 10 năm
- Tài sản vô hình và các tài sản khác	tùy thời gian được sử dụng

4. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước có giá trị lớn cần được phân bổ dần trong nhiều quý nhưng không quá 01 năm tài chính hoặc không quá một chu kỳ sản xuất thông thường được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn, còn các khoản chi phí trả trước trên 12 tháng hoặc trên một chu kỳ sản xuất thông thường được trình bày là chi phí trả trước dài hạn. Việc phân bổ phải chọn phương thức hợp lý và nhất quán.

5. Ghi nhận các khoản phải trả:

Bao gồm các khoản phải trả người bán, người mua-trả tiền trước, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm được phân loại là nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm được phân loại là nợ dài hạn.

Thuế thu nhập hoãn lại được phân loại là nợ dài hạn.

6. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

7. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

8. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại :

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2017

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán

Đơn vị tính: VND

1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN	Số cuối năm	Số đầu năm
<u>Tiền</u>	<u>61.955.387.238</u>	<u>26.703.723.093</u>
Tiền mặt (TK 111)	241.499.621	17.950.000
Tiền gửi ngân hàng (TK 112)	61.713.887.617	26.685.773.093
<u>Tiền gửi VND</u>	<u>61.389.957.666</u>	<u>26.113.027.217</u>
- Ngân hàng TMCP Ngoại Thương VN- CN TP.HCM	49.974.804.783	7.451.399.747
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn- CN Nhà Rộng	42.063.990	41.836.347
- Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam- CN Tân Bình	48.315.984	47.912.581
- Ngân hàng TMCP Hàng Hải - Chi nhánh Đô Thành	11.324.772.909	18.571.878.542
<u>Tiền gửi ngoại tệ</u>	<u>323.929.951</u>	<u>572.745.876</u>
- Ngân hàng TMCP Ngoại Thương VN- CN TP.HCM	52.670.740	300.828.704
- Ngân hàng TMCP Hàng Hải - Chi nhánh Đô Thành	271.259.211	271.917.172
<u>Các khoản tương đương tiền</u>	<u>76.527.363.217</u>	<u>63.892.088.889</u>
- Tiền gửi có kỳ hạn 3 tháng:		
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn- CN Nhà Rộng	51.527.363.217	48.892.088.889
- Ngân hàng TMCP Ngoại Thương VN- CN TP.HCM	10.000.000.000	
- Ngân hàng TMCP Hàng Hải - Chi nhánh Đô Thành	15.000.000.000	15.000.000.000
Tổng cộng	<u>138.482.750.455</u>	<u>90.595.811.982</u>
2. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG (TK 131)	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu khách hàng ngắn hạn		
- Chi tiết các khoản phải thu của khách hàng chiếm từ 10% trở lên trên tổng phải thu khách hàng:		
+ Tổng Công ty Bảo Đảm An Toàn Hàng Hải Miền Nam (số dư đầu kỳ 1/01/2017 có điều chỉnh theo Biên bản xét duyệt quyết toán tình hình thu nộp phí hoa tiêu, chi kinh phí đặt hàng cung ứng dịch vụ công ích hoa tiêu hàng hải năm 2016, ngày 26/5/2017) :		30.942.200.134
Số dư 1/1/2017 chưa điều chỉnh:		
34.010.729.921 vnd		
Điều chỉnh giảm theo biên bản: -		
3.068.529.787 vnd		
Số dư 1/1/2017 đã điều chỉnh:		
43.010.729.921 - 3.068.529.787 =		
30.942.200.134 vnd		
+ AGE-LINES CO.,LTD	1.281.835.650	1.629.041.178
+ FALCON LOGISTICS JSC	1.367.209.520	1.260.138.590
+ VITAMAS	1.412.931.880	674.203.547
- Các khoản phải thu khách hàng khác:	13.723.453.897	14.476.209.663
Cộng	<u>17.785.430.947</u>	<u>48.981.793.112</u> (a)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2017

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán

Đơn vị tính: VND

- a) Số dư ngày 01/01/2017 khoản phải thu của khách hàng (TK 131) sau điều chỉnh (= a.1 + a.2): 48.981.793.112
- a.1) Số dư ngày 31/12/2016 khoản phải thu của khách hàng theo Báo cáo kiểm toán tài chính năm 2016 (TK 131): 52.050.322.899
- Giảm doanh thu và các khoản phải thu Tổng Công ty Bảo Đảm An Toàn Hàng Hải Miền Nam do điều chỉnh theo
- a.2) Biên bản xét duyệt quyết toán tình hình thu nộp phí hoa tiêu, chi kinh phí đặt hàng cung ứng dịch vụ công ích hoa tiêu hàng hải năm 2016, ngày 26/5/2017: (3.068.529.787)

3. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN (TK 331)

Số cuối năm

Số đầu năm

Trả trước cho người bán ngắn hạn

- Chi tiết các khoản trả trước cho người bán chiếm từ 10% trở lên trên tổng trả trước cho người bán:

+ Công ty Số 1 Sông Hồng - xây dựng trạm HT Long An (630/2017/HĐ-SH.HTKV1)	3.987.000.000	
+ Công ty TNHH Tân Viễn Đông: Đóng tàu hoa tiêu (276/2017/HĐ-DLHT)	5.953.200.000	
+ Công ty TNHH Xây Dựng Phú Hưng	210.400.000	210.400.000
+ Công ty CP Tư vấn xây dựng Tổng hợp	121.134.000	121.134.000
+ Công ty CP Cơ khí hàng hải miền Nam		250.000.000
- Các khoản trả trước cho người bán khác:	1.492.412.460	545.173.300

Cộng

11.764.146.460

1.126.707.300

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2017

Đơn vị tính: VND

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán

(4); (5).	PHẢI THU KHÁC	Số cuối năm		Số đầu năm	
		Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
4.	Phải thu ngắn hạn khác	1.119.429.515		1.393.917.968	
	- Các khoản phải thu khác (TK 1388)	<u>720.429.515</u>		<u>813.077.218</u>	
	Trong đó:				
	+ Hoàng Trung Thông	42.000.000			
	+ Trịnh Minh Tú	46.000.000			
	+ Nguyễn Lưu Phi	50.000.000			
	+ Nguyễn Chí Trình		42.000.000		
	+ Lãi TGNH CKH đến ngày 31/12/2017- Ngân hàng TMCP Hàng Hải - Chi nhánh Đô Thành	45.000.000			
	+ Lãi TGNH CKH đến ngày 31/12/2017- Ngân hàng TMCP Ngoại Thương VN- CN TP.HCM	15.527.778			
	+ Lãi TGNH CKH đến ngày 31/12/2017- Ngân hàng TMCP Sài Gòn- CN Hóc Môn	442.901.737			
	+ Lãi TGNH CKH đến ngày 31/12/2016- Ngân hàng TMCP Sài Gòn- CN Nhà Rông		426.150.862		
	+ Thuế GTGT chi phí kiểm toán Tòa nhà Pilotcol không được duyệt		4.089.084		
	- Giá trị các hạng mục dự án Tòa nhà Pilotcol :				
	+ Cty CP Xây dựng Thế giới Phẳng: Chi phí HĐ phá tường vay		40.000.000		
	+ Cty Xây dựng Kinh doanh nhà Sài Gòn: Chi phí HĐ thi công xây dựng sân vườn Tòa nhà		294.473.636		
	+ Cty CP đầu tư xây dựng và TM Phương Nam: Chi phí HĐ bán vẽ thiết kế sân vườn Tòa nhà		6.363.636		
	- Tam ứng (TK 141)	<u>399.000.000</u>		<u>579.250.000</u>	
	Trong đó:				
	+ Quách Đình Hùng	39.000.000		140.000.000	
	+ Nguyễn Xuân Việt	176.000.000		175.000.000	
	+ Mạc Trần Hoàn	138.000.000			
	+ Lê Diệu Thanh		71.500.000		
	- Bảo hiểm xã hội (TK 33831)	<u>0</u>		<u>1.590.750</u>	
5.	Phải thu ngắn dài khác	15.000.000		15.000.000	
	- Ký quỹ, ký cược dài hạn (TK 244)				
	+ Ký quỹ sử dụng thẻ taxi - Cty Taxi Mai Linh	10.000.000		10.000.000	
	+ Ký quỹ sử dụng thẻ taxi - Cty Taxi Vinasun	5.000.000		5.000.000	
	Cộng (4) + (5)	<u>1.134.429.515</u>		<u>1.408.917.968</u>	



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Năm 2017

Đơn vị tính: VND

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán

8. TÀI SẢN DỄ DANG DÀI HẠN	Số cuối năm	Số đầu năm
Mua sắm tài sản cố định (TK 2411)		46.937.273
Xây dựng cơ bản dở dang (TK 2412)	3.208.441.942	8.182.759.117
+ Trạm Hoa tiêu Long An	2.496.351.033	2.114.347.453
+ Trạm Hoa tiêu Bình Thuận		5.145.744.581
+ Nội thất trạm Hoa tiêu Bình Thuận		858.567.083
+ Cột Angten VHF 36m - trạm HTBT		64.100.000
+ Sửa chữa, lắp đặt thiết bị Tòa nhà Pilotco 1	227.272.727	
+ Tàu Hoa tiêu cao tốc	484.818.182	
Cộng	<u>3.208.441.942</u>	<u>8.229.696.390</u>



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2017

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán

6. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH (TK 211)

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
I. Nguyên giá					
1. Số dư đầu năm	55.245.768.007	5.934.519.428	40.065.063.930	3.115.967.506	104.361.318.871
2. Số tăng trong năm	3.689.333.490	886.430.854	2.337.706.463	1.063.890.083	7.977.360.890
- Mua trong năm		167.000.000	2.312.246.363	205.323.000	2.684.569.363
- Đầu tư XDCB hoàn thành	3.689.333.490	719.430.854		858.567.083	5.267.331.427
- Tăng khác			25.460.100		25.460.100
3. Số giảm trong năm			4.049.706.615		4.049.706.615
- Chuyển sang BĐS đầu tư					
- Thanh lý, nhượng bán			4.026.615.706		4.026.615.706
- Giảm khác			23.090.909		23.090.909
4. Số dư cuối năm	58.935.101.497	6.820.950.282	38.353.063.778	4.179.857.589	108.288.973.146
II. Giá trị hao mòn lũy kế					
1. Số dư đầu năm	24.022.197.721	4.351.910.926	29.710.409.389	2.645.478.571	60.729.996.607
2. Khấu hao trong năm	2.327.352.954	487.944.093	2.324.172.765	327.871.343	5.467.341.155
- Khấu hao trong năm	2.327.352.954	487.944.093	2.324.172.765	327.871.343	5.467.341.155
- Tăng khác					
3. Giảm trong năm			4.026.615.706		4.026.615.706
- Chuyển sang BĐS đầu tư					
- Thanh lý, nhượng bán			4.026.615.706		4.026.615.706
- Giảm khác					
4. Số dư cuối năm	26.349.550.675	4.839.855.019	28.007.966.448	2.973.349.914	62.170.722.056
III. Giá trị còn lại					
1. Tại ngày đầu năm	31.223.570.286	1.582.608.502	10.354.654.541	470.488.935	43.631.322.264
2. Tại ngày cuối năm	32.585.550.822	1.981.095.263	10.345.097.330	1.206.507.675	46.118.251.090

Ghi chú:

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 0 VND
- Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 24.585.328.917 VND
- Các thay đổi khác về TSCĐ hữu hình:
- + Bàn giao, di dời trụ sở văn phòng công ty: số 8 Trương Đình Hợi, Quận 4, TP.HCM

Theo Phương án số 383/PA-HĐBT, ngày 29/11/2017 v/v bồi thường, hỗ trợ, khi Nhà nước thu hồi 1 phần nhà - đất tại số 08, đường Trương Đình Hợi, P.18, Q.4 do Công ty TNHH MTV Hoa tiêu Hàng hải Khu vực I đang sử dụng để thực hiện Dự án Khu phức hợp Nhà Rộng - Khánh Hội của Ủy Ban nhân dân Quận 4, P.12,13,18, Q.4 - Hội đồng bồi thường, hỗ trợ tái định cư dự án khu phức hợp Nhà Rộng - Khánh Hội, P.12,13,18, Q.4 và Thỏa thuận ngày 12/10/2017 v/v bàn giao mặt bằng và hỗ trợ di dời giữa Công ty TNHH MTV Hoa tiêu Hàng hải Khu vực I và Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Đô thị Ngọc Viễn Đông; Quyết định số 3982/QĐ-UBND-TH, ngày 18/12/2017 v/v phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất tại số 08, tờ bản đồ số 1, P.18, Q.4 do Công ty TNHH MTV Hoa tiêu Hàng hải Khu vực I sử dụng để thực hiện Dự án Khu phức hợp Nhà Rộng - Khánh Hội, Q.4.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2017

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán

7. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH (TK 213)

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
I. Nguyên giá			
1. Số dư đầu năm	84.440.000.000	364.293.992	84.804.293.992
2. Số tăng trong năm	1.516.240.000		1.516.240.000
- Mua trong năm	1.516.240.000		1.516.240.000
- Tạo ra từ nội bộ doanh nghiệp			
- Tăng khác			
3. Số giảm trong năm			
- Thanh lý, nhượng bán			
- Giảm khác			
4. Số dư cuối năm	85.956.240.000	364.293.992	86.320.533.992
II. Giá trị hao mòn lũy kế			
1. Số dư đầu năm		312.798.110	312.798.110
2. Khấu hao trong năm		26.579.214	26.579.214
- Khấu hao trong năm		26.579.214	26.579.214
- Tăng khác			
3. Giảm trong năm			
- Thanh lý nhượng bán			
- Giảm khác			
4. Số dư cuối năm		339.377.324	339.377.324
III. Giá trị còn lại			
1. Tại ngày đầu năm	84.440.000.000	51.495.882	84.491.495.882
2. Tại ngày cuối năm	85.956.240.000	24.916.668	85.981.156.668

Ghi chú:

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ vô hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo cho các khoản vay: 0 VNĐ
- Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 314.293.992 VNĐ
- Thuyết minh số liệu và giải thích khác: không có.

011729
CÔNG TY
CH NHIỆM HỮU
CH VỤ TƯ V
CHÍNH KẾ T
A KIỂM TOÁN
PHÍA NAM
LPHOC

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2017

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán

Đơn vị tính: VND

9. PHẢI TRẢ CHO NGƯỜI BÁN (TK 331)	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả cho người bán ngắn hạn:				
Chi tiết cho từng đối tượng chiếm từ 10% trở lên trên tổng số phải trả cho người bán ngắn hạn:				
+ CN Cty CP Dầu khí Thái Bình Dương - XN Xăng dầu Vũng Tàu	291.072.000	291.072.000	300.301.000	300.301.000
+ Cty CP Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Sài Gòn	240.777.600	240.777.600		
+ Công ty TNHH MTV Dầu khí TP.HCM			465.912.500	465.912.500
- Phải trả các đối tượng khác	192.753.441	192.753.441	291.213.759	291.213.759
Cộng	724.603.041	724.603.041	1.057.427.259	1.057.427.259
10. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN (TK 131)	Số cuối năm		Số đầu năm	
Chi tiết cho từng đối tượng chiếm từ 10% trở lên trên tổng số người mua trả tiền trước:				
+ Tổng Công ty Bảo đảm An toàn Hàng Hải Miền Nam: DVCI 2016		785.113.835		
+ Đặt cọc thuê phòng		18.767.207		26.140.000
+ Công ty CP Việt Long - CN TP.HCM		74.440.994		74.392.500
- Các khoản người mua trả tiền trước khác (người mua trả tiền dư)		14.964.645		6.975.173
Cộng		893.286.681		107.507.677
11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN NỘP CHO NHÀ NƯỚC	Đầu năm	Số phải nộp trong năm	Đã nộp trong năm	Số cuối năm
	(1)	(2)	(3)	(4)=(1)+(2)-(3)
- (a) Thuế giá trị gia tăng đầu ra HH, DV (TK 3331)	2.719.588.828			
(b) Giảm do điều chỉnh theo Biên bản xét duyệt quyết toán tình hình thu nộp phí hoa tiêu, chi kinh phí đặt hàng cung ứng dịch vụ công ích hoa tiêu hàng hải năm 2016 (ngày 26/5/2017)		(278.957.253)		
- Thuế giá trị gia tăng đầu ra HH, DV (TK 3331) (= a + b)	2.440.631.575	4.066.528.157	6.285.991.522	221.168.210
Thuế GTGT đầu ra phát sinh trong năm		7.303.886.978		
Thuế GTGT đầu vào khấu trừ thuế GTGT đầu ra		(3.164.334.829)		
Điều chỉnh giảm thuế GTGT đầu ra do hủy hóa đơn		(73.023.992)		
Đã nộp			6.285.991.522	
- Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ của hàng hóa (TK1331)		3.164.334.829	3.164.334.829	
Thuế GTGT đầu vào phát sinh trong năm			3.165.468.193	
Thuế GTGT đầu vào khấu trừ thuế GTGT đầu ra		3.164.334.829		
Điều chỉnh giảm thuế GTGT đầu vào do hạch toán nhầm			(1.133.364)	

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2017

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán

Đơn vị tính: VND

Phải nộp	Đầu năm	Số phải nộp trong năm	Đã nộp trong năm	Số cuối năm
	(1)	(2)	(3)	(4)=(1)+(2)-(3)
<u>- (a) Thuế thu nhập doanh nghiệp (TK 3334)</u>	<u>2.015.328.142</u>			
(b) Giảm do điều chỉnh theo Biên bản xét duyệt quyết toán tình hình thu nộp phí hoa tiêu, chi kinh phí đặt hàng cung ứng dịch vụ công ích hoa tiêu hàng hải năm 2016 (ngày 26/5/2017)	(557.914.507)			
(c) Giảm thuế TNDN do điều chỉnh theo quyết định phê duyệt quỹ lương 2016 của Người lao động và Người quản lý doanh nghiệp	(5.940.000)			
(d) Giảm thuế TNDN do doanh nghiệp tính sai:	(1.672.726)			
<u>- Thuế thu nhập doanh nghiệp (TK 3334) (= a + b + c + d)</u>	<u>1.449.800.909</u>	<u>14.085.370.435</u>	<u>13.483.967.490</u>	<u>2.051.203.854</u>
Thuế TNDN phát sinh trong năm		14.004.496.925		
Thuế TNDN điều chỉnh bổ sung năm 2015		80.873.510		
Đã nộp			13.483.967.490	
<u>- Thuế thu nhập cá nhân (TK 3335)</u>	<u>95.509.915</u>	<u>8.104.112.598</u>	<u>7.833.611.112</u>	<u>366.011.401</u>
Thuế TNCN phát sinh trong năm		9.668.162.193		
Thuế TNDN điều chỉnh bổ sung các năm trước		69.015.614		
Công ty trả tiền thuế TNCN cho công nhân viên do nộp thừa		(1.633.065.209)		
Đã nộp			7.833.611.112	
<u>- Thuế nhà đất và tiền thuê đất (TK 3337)</u>		<u>551.542.032</u>	<u>551.542.032</u>	<u>0</u>
<u>- Thuế môn bài (TK 3338)</u>		<u>4.000.000</u>	<u>4.000.000</u>	<u>0</u>
<u>- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác (TK 3339)</u>	<u>4.273.742.245</u>	<u>16.715.163.621</u>	<u>20.988.905.866</u>	<u>0</u>
Phí hoa tiêu thu được phát sinh		16.703.957.388		
Chênh lệch tỷ giá phải nộp phát sinh		11.206.233		
Đã nộp			20.988.905.866	
Cộng Các khoản thuế phải trả	8.259.684.644	46.691.051.672	52.312.352.851	2.638.383.465
12. PHẢI TRẢ NGƯỜI LAO ĐỘNG	Số cuối năm	Số đầu năm		
- Phải trả công nhân viên (TK 334)	28.800.975.174	16.812.839.892		
Cộng	28.800.975.174	16.812.839.892	(a)	
a) Số dư ngày 01/01/2017 khoản phải trả công nhân viên và viên chức quản lý (TK 334) sau điều chỉnh (= a.1 + a.2 + a.3):		16.812.839.892		
a.1) Số dư ngày 31/12/2016 khoản phải trả công nhân viên và viên chức quản lý theo Báo cáo kiểm toán tài chính năm 2016 (TK 334):		16.783.139.892		
a.2) Tăng phải trả công nhân viên do điều chỉnh theo QĐ số 906/TCTBĐATHHMN-TCLĐ-TL, ngày 24/4/2017 của Tổng Công ty Bảo Đảm An Toàn Hàng Hải Miền Nam v/v phê duyệt quỹ tiền lương thực hiện năm 2016 của người lao động		507.168.780		
a.3) Giảm phải trả viên chức quản lý do điều chỉnh theo QĐ số 905/QĐ-TCTBĐATHHMN, ngày 24/4/2017 của Tổng Công ty Bảo Đảm An Toàn Hàng Hải Miền Nam v/v phê duyệt quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng thực hiện năm 2016 của người quản lý Cty Hoa tiêu HH KV I:		(477.468.780)		

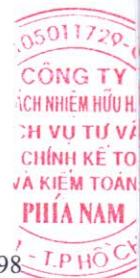
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2017

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán

Đơn vị tính: VND

(13); (15).	PHẢI TRẢ KHÁC:	Số cuối năm		Số đầu năm	
13.	Phải trả ngắn hạn khác:		3.765.675.093		18.143.135.357
	- Tài sản thừa chờ giải quyết (TK 3381)		141.520.910		134.781.818
	- Kinh phí công đoàn (TK 3382)				130.054.072
	- Các khoản phải trả, phải nộp khác (TK 3388)		3.624.154.183		1.129.557.969
	Trong đó:				
	+ Nhà Vốn Đồn	693.146.000		693.146.000	
	+ Tiền tài trợ hiệp hội HTHH VN của các đơn vị	4.999.485		201.086.178	
	+ Cty TNHH ĐT PT Đô Thị Ngọc Viễn Đông - Hỗ trợ di dời trụ sở Công ty Hoa tiêu HH KVI	2.800.000.000			
	+ Cty CP Thiết bị Điện Lê Nguyên - Bảo lãnh dự thầu & trang trí nội thất văn phòng tòa nhà Pilotco 1	70.000.000			
	+ Phải trả KPCĐ và CĐ phí cho công đoàn Tổng công ty Quý 4/2017	56.008.698			
	- Phí hoa tiêu thu hộ phải nộp cho ngân sách Nhà nước (TK 3389)				16.748.741.498
			411.272.720		1.450.625.680
15.	Phải trả dài hạn khác:				
	- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn (TK 344)				
	+ Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam (Ký quỹ thuê văn phòng)	211.800.000		211.800.000	
	+ Công ty Erai (Ký quỹ thuê văn phòng)	199.472.720		418.825.680	
	+ Công ty Generali (Ký quỹ thuê văn phòng)			800.000.000	
	+ Công ty Petro Enertech (Ký quỹ thuê văn phòng)			20.000.000	
	Cộng (13)+(15):		4.176.947.813		19.593.761.037



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2017

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán

Đơn vị tính: VND

14. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI	Số cuối năm	Số đầu năm
Quỹ khen thưởng (TK 3531)	8.679.019.208	7.534.164.179 (a)
Quỹ phúc lợi (TK 3532)	10.289.156.998	6.715.072.433 (b)
Quỹ thưởng ban quản lý điều hành công ty (TK 3534)	459.060.046	247.590.949 (c)
Cộng:	19.427.236.252	14.496.827.561
<u>Quỹ khen thưởng (TK 3531)</u>		
a) Số dư ngày 01/01/2017 quỹ khen thưởng (TK 3531) sau điều chỉnh (= a.1 + a.2 + a.3):		7.534.164.180
a.1) Số dư ngày 31/12/2016 quỹ khen thưởng theo Báo cáo kiểm toán tài chính năm 2016 (TK 3531):		7.470.789.332
a.2) Tăng quỹ khen thưởng do điều chỉnh theo QĐ số 28/QĐ-HĐTV ngày 26/07/2016 của Tổng Công ty Bảo đảm An toàn Hàng hải Miền Nam v/v phê duyệt BCTC, phương án phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ năm 2015 của Cty TNHH MTV Hoa tiêu HH KVI		33.533.050
a.3) Tăng quỹ khen thưởng do điều chỉnh theo QĐ số 1378/QĐ-HĐTV ngày 07/6/2017 của Tổng Công ty Bảo đảm An toàn Hàng hải Miền Nam v/v phê duyệt BCTC, phương án phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ năm 2016 của Cty TNHH MTV Hoa tiêu HH KVI		29.841.798
<u>Quỹ phúc lợi (TK 3532)</u>		
b) Số dư ngày 01/01/2017 quỹ phúc lợi (TK 3532) sau điều chỉnh (= b.1 + b.2 + b.3):		6.715.072.433
b.1) Số dư ngày 31/12/2016 quỹ phúc lợi theo Báo cáo kiểm toán tài chính năm 2016 (TK 3532):		6.651.697.585
b.2) Tăng quỹ phúc lợi do điều chỉnh theo QĐ số 28/QĐ-HĐTV ngày 26/07/2016 của Tổng Công ty Bảo đảm An toàn Hàng hải Miền Nam v/v phê duyệt BCTC, phương án phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ năm 2015 của Cty TNHH MTV Hoa tiêu HH KVI		33.533.049
b.3) Tăng quỹ phúc lợi do điều chỉnh theo QĐ số 1378/QĐ-HĐTV ngày 07/6/2017 của Tổng Công ty Bảo đảm An toàn Hàng hải Miền Nam v/v phê duyệt BCTC, phương án phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ năm 2016 của Cty TNHH MTV Hoa tiêu HH KVI		29.841.799
<u>Quỹ thưởng Ban quản lý điều hành công ty (TK 3534)</u>		
c) Số dư ngày 01/01/2017 quỹ thưởng Ban quản lý điều hành công ty (TK 3534) sau điều chỉnh (= c.1 + c.2):		247.590.949
c.1) Số dư ngày 31/12/2016 quỹ thưởng Ban quản lý điều hành công ty theo Báo cáo kiểm toán tài chính năm 2016 (TK 3534):		307.274.546
c.2) Giảm quỹ thưởng Ban quản lý điều hành công ty theo QĐ số 1378/QĐ-HĐTV ngày 07/6/2017 của Tổng Công ty Bảo đảm An toàn Hàng hải Miền Nam v/v phê duyệt BCTC, phương án phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ năm 2016 của Cty TNHH MTV Hoa tiêu HH KVI		(59.683.597)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2017

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán

Đơn vị tính: VND

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu				
	Vốn góp của CSH	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và các quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Nguồn vốn đầu tư XDCB	Cộng
A	1	2	3	4	5 = 1+2+3+4
a. Số dư đầu năm trước	215.871.703.425	28.925.563	(174.876.859)	107.940.600	215.833.692.729
- Tăng trong năm		20.233.934.960	5.520.331.080		25.754.266.040
Trong đó:					
- Tăng vốn trong năm trước					
- Lãi trong năm trước		20.233.934.960			20.233.934.960
- Trích quỹ đầu tư phát triển			5.520.331.080		5.520.331.080
- Tăng khác					
- Giảm trong năm		(20.262.860.523)			(20.262.860.523)
Trong đó:					
- Tăng vốn trong năm trước					
- Trích quỹ đầu tư phát triển		(5.520.331.080)			(5.520.331.080)
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi		(14.526.979.443)			(14.526.979.443)
- Trích quỹ Ban quản lý điều hành công ty		(215.550.000)			(215.550.000)
b. Số dư đầu năm nay	215.871.703.425		5.345.454.221	107.940.600	221.325.098.246
- Giảm quỹ đầu tư phát triển do điều chỉnh theo Biên bản xét duyệt quyết toán tình hình thu nộp phí hoa tiêu, chi kinh phí đặt hàng cung ứng dịch vụ công ích hoa tiêu hàng hải năm 2016 ,ngày 26/5/2017: - 2.231.658.027 vnd			(2.231.658.027)		(2.231.658.027)
- Giảm quỹ đầu tư phát triển do điều chỉnh theo quyết định phê duyệt quỹ lương 2016 của Người lao động và Người quản lý doanh nghiệp: - 90.826.098 vnd.			(90.826.098)		(90.826.098)
+ Tăng quỹ đầu tư phát triển do Đơn vị giảm thuế TNDN: + 1.672.726 vnd			1.672.726		1.672.726
c. Số dư đầu năm nay sau điều chỉnh	215.871.703.425		3.024.642.822	107.940.600	219.004.286.847
- Tăng trong năm		55.269.242.682	16.580.772.805		71.850.015.487
Trong đó:					
- Tăng vốn trong năm nay					
- Lãi trong năm nay		55.269.242.682			55.269.242.682
- Trích quỹ đầu tư phát triển			16.580.772.805		16.580.772.805
- Giảm trong năm		(37.587.732.862)	(5.345.454.221)	(107.940.600)	(43.041.127.683)
Trong đó:					
- Trích quỹ đầu tư phát triển		(16.580.772.805)			(16.580.772.805)
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi		(20.620.860.057)			(20.620.860.057)
- Trích quỹ Ban quản lý điều hành công ty		(386.100.000)			(386.100.000)
- Chuyển về Tổng công ty theo QĐ số 28/QĐ-HĐTV ngày 26/07/2016 của Tổng Công ty Bảo đảm An toàn Hàng hải Miền Nam v/v phê duyệt BCTC, phương án phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ năm 2015 của Cty TNHH MTV Hoa tiêu HH KVI			(358.343.016)		(358.343.016)
- Chuyển về Tổng công ty theo QĐ số 1378/QĐ-HĐTV ngày 07/6/2017 của Tổng Công ty Bảo đảm An toàn Hàng hải Miền Nam v/v phê duyệt BCTC, phương án phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ năm 2016 của Cty TNHH MTV Hoa tiêu HH KVI			(4.987.111.205)	(107.940.600)	(5.095.051.805)
d. Số dư cuối năm nay	215.871.703.425	17.681.509.820	14.259.961.406		247.813.174.651

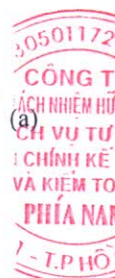
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2017

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán

Đơn vị tính: VND

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu	Số cuối năm	Số đầu năm
- Vốn đầu tư của Nhà nước	215.871.703.425	215.871.703.425
Cộng	215.871.703.425	215.871.703.425
c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận	Năm nay	Năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	215.871.703.425	215.871.703.425
+ Vốn góp đầu năm	215.871.703.425	215.871.703.425
+ Vốn góp tăng trong kỳ		
+ Vốn góp giảm trong kỳ		
+ Vốn góp cuối kỳ	215.871.703.425	215.871.703.425
d) Các quỹ của doanh nghiệp	Cuối năm	Đầu năm
- Quỹ đầu tư phát triển	14.259.961.406	3.024.642.822
a) Số dư ngày 01/01/2017 sau điều chỉnh (= a.1 + a.2 + a.3 + a.4):		3.024.642.822
a.1) Số dư ngày 31/12/2016 theo Báo cáo kiểm toán tài chính năm 2016:		5.345.454.221
Giảm do điều chỉnh theo Biên bản xét duyệt quyết toán tình hình thu nộp phí hoa tiêu, chi kinh phí đặt hàng cung ứng dịch vụ công ích hoa tiêu hàng hải năm 2016 (ngày 26/5/2017) : -2.231.658.027 vnd.		(2.231.658.027)
a.2) Giảm quỹ đầu tư phát triển do điều chỉnh theo quyết định phê duyệt quỹ lương 2016 của Người lao động và Người quản lý doanh nghiệp: - 90.826.098 vnd.		(90.826.098)
a.3) + Tăng quỹ đầu tư phát triển do điều chỉnh theo quyết định phê duyệt + 1.672.726 vnd		1.672.726
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu + Nguồn vốn đầu tư XDCB		107.940.600
17. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CĐKT	Số cuối năm	Số đầu năm
a Tài sản thuê ngoài		
b Tài sản nhận giữ hộ		
c Ngoại tệ các loại - Ngoại tệ USD	\$14.286,80	\$25.203,62
d Vàng tiền tệ		
đ Nợ khó đòi đã xử lý		
+ Cty Vận Tải Lash Vinashin	15.862.830	15.862.830
+ Cty TNHH Vận Tải Tàu cao tốc Bắc Nam	101.530.335	
+ Cty TNHH Phúc Hải	13.163.770	
+ Cty TNHH TM VTB Nhật và Nam	11.684.475	
+ Falcon Logistics JSC	91.134.292	
+ Cty CP Xăng Dầu Toàn Cầu	24.740.755	
+ Cty TNHH Đầu tư & TM An Phú Lộc	21.570.575	
+ Cty TNHH VTB Nam Duy Trung	8.363.738	
+ Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam -CN TP.HCM	32.572.800	
e Các thông tin khác về các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán		



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2017

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Đơn vị tính: VND

		Năm 2017	Năm 2016
1.	TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ (TK 511)		
	- Doanh thu DVCI hoa tiêu	196.011.489.695	108.280.378.138
	- Doanh thu kinh doanh dịch vụ	9.416.856.532	14.308.656.256
	+ Doanh thu cho thuê hoa tiêu	461.818.182	437.863.638
	+ Doanh thu cho thuê khách sạn	1.745.342.977	1.755.894.793
	+ Doanh thu cho thuê phương tiện	5.089.601.253	6.134.949.465
	+ Doanh thu cho thuê văn phòng	2.078.882.000	5.881.766.550
	+ Doanh thu khác (TK 5118)	41.212.120	98.181.810
	Cộng	205.428.346.227	122.589.034.394
2.	GIÁ VỐN HÀNG BÁN (TK 632)		
	- Giá vốn hàng bán DVCI hoa tiêu	86.371.455.128	66.517.892.799
	- Giá vốn hàng bán kinh doanh dịch vụ	1.728.741.776	5.406.446.464
	Cộng	88.100.196.904	71.924.339.263
3.	DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH (TK 515)		
	- Lãi ngân hàng	3.538.737.775	4.388.746.335
	Cộng	3.538.737.775	4.388.746.335
4.	CHI PHÍ TÀI CHÍNH (TK 635)		
	- Chênh lệch tỷ giá	1.088.379	
	Cộng	1.088.379	
5.	CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP (TK 642)		
	Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ	51.759.963.699	30.378.563.415
	- Chi tiết các khoản chiếm từ 10% trở lên trên tổng chi phí QLDN		
	+ Chi phí lương và các khoản trích theo lương	31.454.807.526	16.393.655.692
	+ Chi phí DV mua ngoài: sửa chữa, đồng phục, điện nước,...	9.341.475.627	5.990.764.655
	+ Chi phí bằng tiền khác: HN, tiếp khách; AGC	7.119.704.967	5.866.281.123
	- Các khoản chi phí QLDN khác	3.843.975.579	2.127.861.945
6.	THU NHẬP KHÁC (TK 711)		
	+ Phí mua hồ sơ dự thầu		5.000.000
	+ BH PVI bồi thường sự cố ca nô.		202.320.260
	+ BH PVI Hoàn phí bảo hiểm HĐ số C013/BHTS/18/03/14		11.984.200
	+ Các đại lý thanh toán dư	54.347.778	
	+ Kinh phí công đoàn các năm trước	49.136.640	
	+ Thu bán hồ sơ thầu	37.000.000	
	+ Thanh lý TSCĐ	596.363.635	415.406.630
	+ Thanh lý máy photo	1.000.000	2.000.000
	+ Thuế GTGT được quyết toán 2015 (gói: Hệ thống điều hòa)	177.909.091	
	+ Chênh lệch chi phí thẩm định phê duyệt quyết toán 2015 dự án Tòa nhà Pilotco 1	2.979.860	
	+ Cảng vụ HHVT hỗ trợ chi phí cứu hộ		12.377.367
	+ Khác	50.776	1
	Cộng	918.787.780	649.088.458

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2017

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Đơn vị tính: VND

7.	CHI PHÍ KHÁC (TK 811)	Năm 2017		Năm 2016	
	- Thuế TNCN phải nộp các năm trước		69.015.614		
	- Thuế GTGT bổ sung năm 2014		80.840.910		
	- Thuế GTGT bổ sung năm 2015		173.088.632		
	- Thuế TNDN bổ sung tháng 12/2015		80.873.510		
	- Chi phí khác		2.138.171		324
	- Các khoản chi phí chênh lệch quyết toán Tòa nhà Pilotco 1 không được duyệt		344.926.356		
	- Chi phí bồi thường hợp đồng lấy mặt bằng tòa nhà Pilotco 1				41.745.600
	Cộng		750.883.193		41.745.924
8.	CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH	Năm 2017		Năm 2016	
a)	<u>Lợi nhuận kế toán trước thuế từ hoạt động kinh doanh của toàn công ty</u>		<u>69.273.739.607</u>		
b)	<u>Chi phí không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế tính thuế TNDN</u>		<u>748.745.022</u>		
	- Thuế TNCN phải nộp các năm trước		69.015.614		
	- Thuế GTGT bổ sung năm 2014		80.840.910		
	- Thuế GTGT bổ sung năm 2015		173.088.632		
	- Thuế TNDN bổ sung tháng 12/2015		80.873.510		
	- Chi phí chênh lệch quyết toán Tòa nhà Pilotco1 không được duyệt		344.926.356		
c)	<u>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế sau các khoản điều chỉnh của toàn công ty</u> <u>=(a) + (b)</u>		<u>70.022.484.629</u>		
d)	<u>Chi phí thuế TNDN hiện hành</u> <u>(= c x 20%)</u>		14.004.496.925		
	Cộng		14.004.496.925		5.056.444.117
9.	CHI PHÍ THEO YẾU TỐ	Năm 2017		Năm 2016	
	- Chi phí nguyên liệu, vật liệu		11.437.720.856		9.914.358.570
	- Chi phí nhân công		90.282.599.406		63.679.286.136
	- Chi phí khấu hao TSCĐ		5.493.920.369		3.408.226.685
	- Chi phí dịch vụ mua ngoài		20.711.076.726		15.266.579.967
	- Chi phí khác bằng tiền		11.934.843.246		10.034.451.320
	Cộng		139.860.160.603		102.302.902.678

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2017

VII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

- Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ trong tương lai
 - Mua tài sản và nhận nợ thông qua nghiệp vụ mua hàng trả sau, hoặc cho thuê tài chính : không phát sinh
 - Mua doanh nghiệp thông qua phát hành cổ phiếu: không phát sinh.
 - Chuyển nợ thành vốn chủ sở hữu : không phát sinh.
 - Các giao dịch phi tiền tệ khác : không phát sinh.
- Các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không sử dụng: không có.
- Số tiền đi vay thực nhận trong kỳ (không bao gồm chênh lệch tỷ giá) : 0 VNĐ
- Số tiền đã trả nợ gốc vay và tiền trả nợ gốc thuê tài chính trong kỳ : 0 VNĐ

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

- Thông tin về những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác : không có.
- Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán: không có.
- Thông tin về các bên liên quan

a. Các bên liên quan

Mối quan hệ

Tổng Công ty Bảo Đảm An Toàn Hàng Hải Miền Nam

Công ty mẹ

Cho đến ngày lập Báo cáo tài chính, các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan như sau:

b. Các giao dịch trọng yếu với các bên có liên quan:

Tên Công ty	Quan hệ	Giao dịch	Số tiền
Tổng Công ty Bảo Đảm An Toàn Hàng Hải Miền Nam	Công ty mẹ	Đến ngày 31/12/2017, Công ty TNHH MTV Hoa Tiêu Hàng Hải Khu Vực I còn phải hoàn trả kinh phí đặt hàng DVCI hoa tiêu năm 2016	785.113.835

- Điều chỉnh trong báo cáo tài chính năm trước do các thay đổi trong chính sách kế toán của năm nay:
 - + Không có.

5. Mục đích và chính sách quản lý rủi ro của Công ty:

a Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

b Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

c Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp (xem thuyết minh V.1).

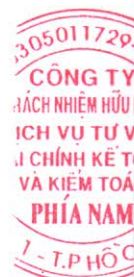
d Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Phần lớn phát sinh nghĩa vụ phải trả của Công ty đều được đảm bảo bằng các khoản tiền gửi và các khoản phải thu và tài sản có kỳ hạn ngắn hạn. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro thanh khoản đối với việc thực hiện nghĩa vụ tài chính là thấp.

e. Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

Tại ngày 31/12/2017	Từ 1 năm trở xuống	Từ 1 trở lên
Phải trả cho người bán	724.603.041	
Người mua trả tiền trước	893.286.681	
Phải trả người lao động	28.800.975.174	
Chi phí phải trả	-	
Các khoản phải trả phải nộp khác	3.765.675.093	411.272.720
Cộng	34.184.539.989	411.272.720



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2017

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền hoạt động kinh doanh.

6. Thông tin về hoạt động liên tục

Đến ngày 31/12/2017, Công ty không có ý định hoặc yêu cầu phải giải thể, ngừng hoạt động hoặc thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động, tìm kiếm sự bảo hộ từ các chủ nợ theo pháp luật và quy định hiện hành.

7. Thông tin về số liệu so sánh:

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và kiểm toán Phía Nam (AASCS); Số liệu này được điều chỉnh theo Biên bản xét duyệt quyết toán tình hình thu nộp phí hoa tiêu, chi kinh phí đặt hàng cung ứng dịch vụ công ích hoa tiêu hàng hải năm 2016 (ngày 26/5/2017) và QĐ số 906/TCTBĐATHHMN-TCLĐ-TL, ngày 24/4/2017 v/v phê duyệt quỹ tiền lương thực hiện năm 2016 của người lao động; QĐ số 905/QĐ-TCTBĐATHHMN, ngày 24/4/2017 v/v phê duyệt quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng thực hiện năm 2016 của người quản lý Cty Hoa tiêu HH KV I.

Người lập biểu



Kế toán trưởng



TP.HCM, ngày 20 tháng 01 năm 2018

Giám đốc



GIÁM ĐỐC
Quách Đình Hùng